

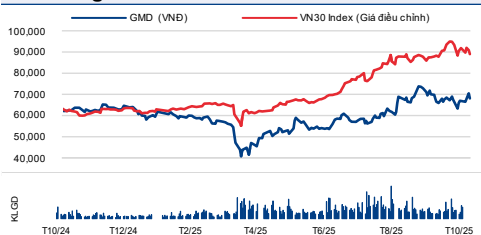
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ76,100
Tiềm năng tăng/giảm: 11.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/10/2025)	68,100
Mã Bloomberg	GMD VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	40,841-74,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	68,160
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	28,616
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,087
Slg CP lưu hành (tr.đv)	420
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	206
Slg CP NN được mua (tr.đv)	30.5
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	41.7%
Tỷ lệ freefloat	88.6%
Cổ đông lớn	SSJ Consulting (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	4,832	5,310	6,069
EBITDA đc (tỷ đồng)	2,218	2,860	3,280
LNTT (tỷ đồng)	2,080	2,410	2,618
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,251	1,467	1,627
FCF (tỷ đồng)	48.3	(439)	1,932
EPS ĐC (đồng)	3,021	3,440	3,814
DPS (đồng)	2,216	1,478	1,478
BVPS (đồng)	29,919	31,821	34,302
T.trưởng EBITDA (%)	25.5	29.0	14.7
T.trưởng EPS ĐC (%)	(51.9)	7.27	9.63
Tăng trưởng DPS (%)	(13.1)	(33.3)	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	45.9	53.9	54.1
Tỷ suất LNTT (%)	43.0	45.4	43.1
Tỷ suất LNT ĐC (%)	30.2	30.0	29.1
Tỷ lệ LN trả CT (%)	62.8	39.1	35.6
Nợ thuần/VCSH (%)	(14.4)	0.70	(0.76)
ROAE (%)	13.9	12.3	12.5
ROACE (%)	7.25	8.57	8.67
EV/doanh thu (lần)	5.53	5.55	4.80
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.1	10.3	8.89
P/E ĐC (lần)	22.5	19.8	17.9
P/B (lần)	2.28	2.14	1.99
Lợi suất cổ tức (%)	3.25	2.17	2.17

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

GMD là doanh nghiệp cảng biển tư nhân lớn nhất tại Việt Nam với hệ thống cảng trải dài trên toàn quốc và hệ thống logistics tích hợp.

Chuyên viên phân tích

Chế Thị Mai Trang

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp
trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q3/2025: LNTT từ HĐKD cốt lõi tăng 9% so với cùng kỳ, thấp hơn dự báo 10%

- Lợi nhuận thuần và doanh thu thuần Q3/2025 đạt lần lượt 315 tỷ đồng (giảm 6% so với cùng kỳ và 25% so với quý trước) và 1,6 nghìn tỷ đồng (tăng 23% so với cùng kỳ và 4% so với quý trước).
- Nếu không tính đến các khoản mục không thường xuyên trị giá 123 tỷ đồng (không có thông tin chi tiết), LNTT từ HĐKD cốt lõi đạt 634 tỷ đồng (tăng 9% so với cùng kỳ, giảm 6% so với quý trước), thấp hơn dự báo của HSC ở mức 700 tỷ đồng do chi phí bán hàng & quản lý tăng.
- Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, lợi nhuận thuần đạt 1,1 nghìn tỷ đồng (giảm 5% so với cùng kỳ), bằng 72% dự báo cho cả năm 2025 của HSC, trong khi LNTT từ HĐKD cốt lõi đạt 1,9 nghìn tỷ đồng (tăng 30% so với cùng kỳ), bằng 79% dự báo cho cả năm 2025 của chúng tôi.
- GMD đang giao dịch ở mức P/E trượt dự phóng 1 năm là 18,8 lần, so với bình quân 3 năm (tính từ tháng 1/2022) ở mức 20,1 lần.

Sự kiện: Công bố BCTC Q3/2025

KQKD Q3/2025 của GMD thấp hơn dự báo. Trong Q3/2025, lợi nhuận thuần đạt 315 tỷ đồng (giảm 6% so với cùng kỳ và 25% so với quý trước) trong khi doanh thu thuần đạt 1,6 nghìn tỷ đồng (tăng 23% so với cùng kỳ và 4% so với quý trước).

Nếu không tính đến các khoản mục không thường xuyên trị giá 123 tỷ đồng (không có thông tin chi tiết), LNTT từ HĐKD cốt lõi đạt 634 tỷ đồng (tăng 9% so với cùng kỳ, giảm 6% so với quý trước), thấp hơn dự báo của HSC ở mức 700 tỷ đồng do chi phí bán hàng & quản lý cao hơn dự kiến. Trong Q3/2025, chi phí bán hàng & quản lý là 319 tỷ đồng (tăng 75% so với cùng kỳ và 55% so với quý trước).

Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, lợi nhuận thuần của GMD đạt 1,1 nghìn tỷ đồng (giảm 5% so với cùng kỳ) và LNTT từ HĐKD cốt lõi đạt 1,9 nghìn tỷ đồng (tăng 30% so với cùng kỳ). Các kết quả trên đạt lần lượt 72% và 79% dự báo cho cả năm 2025 của HSC.

Doanh thu thuần tăng nhờ sản lượng cải thiện

Doanh thu thuần Q3/2025 tăng mạnh 23% so với cùng kỳ và 4% so với quý trước, chủ yếu nhờ sản lượng tại cảng Nam Đình Vũ cải thiện.

HSC được biết cảng Nam Đình Vũ (chưa niêm yết, GMD sở hữu 60% cổ phần) đã tiếp nhận xử lý 373.466 TEU hàng hóa trong Q3/2025 (tăng 11% so với cùng kỳ nhưng giảm 4% so với quý trước). Sản lượng tăng so với cùng kỳ chủ yếu nhờ các tuyến dịch vụ mới tại cảng này trong 9 tháng đầu năm 2025, trong khi sản lượng giảm so với quý trước do giai đoạn đẩy mạnh xuất hàng sang thị trường Mỹ trước thời hạn áp thuế đối ứng vào giữa tháng 8 đã kết thúc.

Trong 9 tháng đầu năm 2025, cảng Nam Đình Vũ đã tiếp nhận xử lý 1,1 triệu TEU hàng hóa (tăng 22% so với cùng kỳ) và hoạt động với công suất 124%. Sản lượng hàng hóa qua cảng tăng mạnh giúp doanh thu thuần tăng 26% so với cùng kỳ trong 9 tháng đầu năm 2025, đạt 4,3 nghìn tỷ đồng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/11.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2025, GMD

Lợi nhuận thuần giảm 6% so với cùng kỳ và 25% so với quý trước

Tỷ đồng	Q3/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	9T25	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	1,560	23%	4%	4,334	26%
LNTT cốt lõi	635	9%	-6%	1,895	30%
Lợi nhuận thuần	315	-6%	-25%	1,141	-5%

Nguồn: GMD, HSC

Tỷ suất lợi nhuận giảm và chi phí bán hàng & quản lý tăng mạnh

Trong Q3/2025, lợi nhuận gộp đạt 666 tỷ đồng (tăng 15% so với cùng kỳ và 3% so với quý trước) nhưng tỷ suất lợi nhuận gộp giảm xuống mức 42,7% từ 46,0% trong Q3/2024 và 43,1% trong Q2/2025. Trong khi đó, chi phí bán hàng & quản lý trong Q3/2025 tăng mạnh lên 319 tỷ đồng (tăng 75% so với cùng kỳ và 55% so với quý liền trước), với tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu ở mức 20,4% so với 14,4% trong Q3/2024 và 13,7% trong Q2/2025.

Tỷ suất lợi nhuận gộp giảm và chi phí bán hàng & quản lý tăng chủ yếu do chi phí nhân công và chi phí thuê ngoài tăng. Chi phí nhân công trong Q3/2025 là 200 tỷ đồng (tăng 32% so với cùng kỳ và 32% so với quý trước), trong khi chi phí thuê ngoài là 617 tỷ đồng (tăng 41% so với cùng kỳ và 8% so với quý trước).

Theo đó, trong 9 tháng đầu năm 2025, lợi nhuận gộp đạt 1,9 nghìn tỷ đồng (tăng 20% so với cùng kỳ) và tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 43,2% so với mức 45,3% trong cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, chi phí bán hàng & quản lý trong 9 tháng đầu năm 2025 là 736 tỷ đồng (tăng 38% so với cùng kỳ), kéo tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu lên 17,0% so với 15,4% trong 9 tháng đầu năm 2024.

Lợi nhuận từ các công ty liên doanh & liên kết tăng mạnh

Lợi nhuận từ các công ty liên doanh & liên kết trong Q3/2025 tăng 34% so với cùng kỳ và 23% so với quý trước đạt 297 tỷ đồng. Kết quả này có được chủ yếu nhờ lợi nhuận tích cực từ cảng nước sâu Gemalink (chưa niêm yết, GMD sở hữu 65% cổ phần). Cảng này đóng góp 208 tỷ đồng lợi nhuận cho GMD trong Q3/2025, tăng 36% so với cùng kỳ và 31% so với quý trước.

Trong Q3/2025, cảng Gemalink tiếp nhận xử lý 500.000 TEU hàng hóa (tăng 2% so với cùng kỳ và 10% so với quý trước). Mặc dù các hoạt động đẩy mạnh xuất hàng đã kết thúc vào giữa tháng 8 nhưng sản lượng Q3/2025 tại Gemalink vẫn tiếp tục cải thiện nhờ đón các tuyến dịch vụ mới. Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, tổng sản lượng hàng hóa qua cảng này đạt 1,4 triệu TEU (tăng 10% so với cùng kỳ). Lợi nhuận Gemalink đóng góp cho GMD đạt 526 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2025, tăng 71% so với cùng kỳ.

Giai đoạn 3 của cảng Nam Đình Vũ đi vào hoạt động từ 30/9/2025

GMD đã đưa giai đoạn 3 của cụm cảng Nam Đình Vũ vào hoạt động theo kế hoạch với chuyến tàu đầu tiên cập cảng vào ngày 30/9/2025. Việc mở rộng này nâng công suất thiết kế của cảng Nam Đình Vũ lên 2 triệu TEU/năm (so với mức hiện tại 1,2 triệu TEU), qua đó nâng tổng công suất khai thác cảng của GMD lên 4,4 triệu TEU, tăng 22% so với trước.

Theo đó, Nam Đình Vũ đã trở thành cảng sông lớn nhất miền Bắc, có khả năng tiếp nhận tàu trọng tải lên đến 48.000 DWT và là cảng duy nhất trong khu vực có thể xử lý hàng siêu trường siêu trọng và hàng dự án. Lưu ý, HSC đã đưa việc vận hành giai đoạn 3 này vào mô hình dự báo của mình.

Xem xét lại dự báo

Sau khi KQKD Q3/2025 của GMD thấp hơn dự báo do chi phí hoạt động tăng, HSC đang xem xét lại dự báo của mình.

Chúng tôi hiện khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu 76.100đ (tiềm năng tăng giá 12%). GMD đang giao dịch ở mức P/E trượt dự phóng 1 năm là 18,8 lần, so với bình quân 3 năm (tính từ tháng 1/2022) ở mức 20,1 lần.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	3,846	4,832	5,310	6,069	6,854
Lợi nhuận gộp	1,776	2,162	2,310	2,597	3,053
Chi phí BH&QL	(660)	(816)	(807)	(922)	(1,042)
Thu nhập khác	(69.0)	(611)	(53.1)	(60.7)	(68.5)
Chi phí khác	53.1	262	26.5	30.3	34.3
EBIT	1,100	996	1,476	1,645	1,977
Lãi vay thuần	1,772	267	8.64	(97.7)	(40.2)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	272	816	926	1,071	989
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	3,144	2,080	2,410	2,618	2,926
Chi phí thuế TNDN	(642)	(174)	(290)	(302)	(378)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(280)	(446)	(526)	(548)	(603)
LNST không thường xuyên	-	(92.0)	-	-	-
Lợi nhuận thuần	2,222	1,459	1,595	1,768	1,946
Lợi nhuận thuần ĐC	2,158	1,251	1,467	1,627	1,790
EBITDA ĐC	1,767	2,218	2,860	3,280	3,541
EPS (đồng)	7,335	3,525	3,782	4,146	4,562
EPS ĐC (đồng)	7,126	3,021	3,440	3,814	4,197
DPS (đồng)	2,551	2,216	1,478	1,478	1,478
Slg CP bình quân (triệu đv)	303	414	422	426	426
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	306	414	426	426	426
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	306	414	426	426	426

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	1,474	3,964	3,526	3,410	4,558
Đầu tư ngắn hạn	356	1,021	1,116	1,275	1,440
Phải thu khách hàng	1,212	1,235	1,362	1,564	1,772
Hàng tồn kho	68.2	83.4	91.6	105	118
Các tài sản ngắn hạn khác	290	372	408	467	527
Tổng tài sản ngắn hạn	3,401	6,676	6,505	6,821	8,415
TSCĐ hữu hình	3,894	3,786	6,145	5,599	5,044
TSCĐ vô hình	258	247	239	230	221
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,799	1,766	1,444	1,457	1,471
Đầu tư vào Cty LD,LK	3,083	3,792	4,668	5,762	5,762
Tài sản dài hạn khác	1,107	1,719	1,888	2,151	2,423
Tổng tài sản dài hạn	10,141	11,310	14,384	15,199	14,921
Tổng cộng tài sản	13,542	17,986	20,889	22,019	23,336
Nợ ngắn hạn	446	422	464	530	599
Phải trả người bán	508	462	507	580	655
Nợ ngắn hạn khác	901	1,146	1,259	1,439	1,625
Tổng nợ ngắn hạn	1,936	2,107	2,315	2,646	2,988
Nợ dài hạn	1,518	1,745	3,149	2,759	2,369
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	381	380	417	477	539
Tổng nợ dài hạn	1,899	2,125	3,566	3,236	2,908
Tổng nợ phải trả	3,836	4,232	5,881	5,882	5,896
Vốn chủ sở hữu	8,558	12,386	13,572	14,630	15,857
Lợi ích cổ đông thiểu số	1,149	1,368	1,436	1,508	1,583
Tổng vốn chủ sở hữu	9,707	13,753	15,008	16,137	17,440
Tổng nợ phải trả và VCSH	13,542	17,986	20,889	22,019	23,336
BVPS (đ)	27,975	29,919	31,821	34,302	37,179
Nợ thuần/(tiền mặt)	490	(1,797)	86.2	(121)	(1,590)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	1,100	996	1,476	1,645	1,977
Khấu hao	(395)	(406)	(459)	(565)	(574)
Lãi vay thuần	1,772	267	8.64	(97.7)	(40.2)
Thuế TNDN đã nộp	(625)	(242)	(290)	(302)	(378)
Thay đổi vốn lưu động	(836)	(5.03)	(450)	(767)	(760)
Khác	(2,268)	(681)	17.1	26.7	27.6
LCT thuần từ HKKD	(88.2)	1,647	2,371	1,942	2,109
Đầu tư TS dài hạn	(1,068)	(1,598)	(2,810)	(9.82)	(10.1)
Góp vốn & đầu tư	(803)	(1,224)	(876)	(1,094)	0
Thanh lý	2,447	382	0	0	0
Khác	437	944	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	1,013	(1,497)	(3,686)	(1,104)	(10.1)
Cổ tức trả cho CSH	(780)	(917)	(630)	(630)	(630)
Thu từ phát hành CP	45.2	3,059	62.1	0	0
Tăng/giảm nợ	(45.3)	220	1,445	(324)	(321)
Khác	(35.4)	(24.9)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(816)	2,337	877	(954)	(952)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	1,364	1,474	3,964	3,526	3,410
LCT thuần trong kỳ	109	2,487	(438)	(116)	1,148
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.49	3.15	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,474	3,964	3,526	3,410	4,558
Dòng tiền tự do	(1,156)	48.3	(439)	1,932	2,099

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	46.2	44.7	43.5	42.8	44.5
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	45.9	45.9	53.9	54.1	51.7
Tỷ suất LNT (%)	57.8	30.2	30.0	29.1	28.4
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.4	8.39	12.0	11.5	12.9
Tăng trưởng doanh thu (%)	(1.34)	25.6	9.88	14.3	12.9
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(4.16)	25.5	29.0	14.7	7.94
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	136	(42.0)	17.3	10.9	10.0
Tăng trưởng EPS (%)	122	(51.9)	7.27	9.63	10.0
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	135	(57.6)	13.9	10.9	10.0
Tăng trưởng DPS (%)	79.6	(13.1)	(33.3)	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	34.8	62.8	39.1	35.6	32.4
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.7	13.9	12.3	12.5	12.8
ROACE (%)	10.3	7.25	8.57	8.67	9.96
Vòng quay tài sản (lần)	0.29	0.31	0.27	0.28	0.30
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	(0.08)	1.65	1.61	1.18	1.07
Số ngày tồn kho	12.0	11.4	11.2	11.0	11.4
Số ngày phải thu	214	169	166	164	170
Số ngày phải trả	89.6	63.1	61.7	61.0	62.9
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	5.78	(14.4)	0.70	(0.76)	(9.96)
Nợ/tài sản (%)	14.5	12.1	17.3	15.0	12.8
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	16.8	49.2
Nợ/EBITDA (lần)	1.32	1.55	1.87	1.49	1.17
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.76	3.17	2.81	2.58	2.82
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	5.75	5.53	5.55	4.80	4.03
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.5	12.1	10.3	8.89	7.79
P/E (lần)	9.28	19.3	18.0	16.4	14.9
P/E ĐC (lần)	9.56	22.5	19.8	17.9	16.2
P/B (lần)	2.43	2.28	2.14	1.99	1.83
Lợi suất cổ tức (%)	3.75	3.25	2.17	2.17	2.17

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn